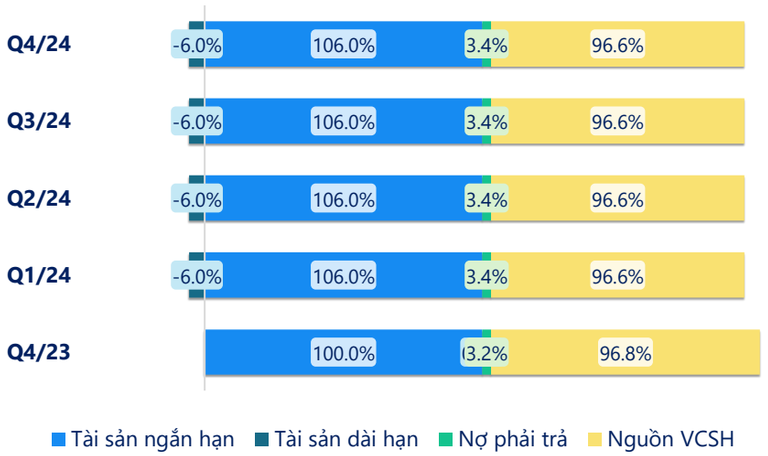
FireAnt

CTCP Damac GLS (UPCOM: KSH)

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	400
SL cổ phiếu LH	57,509,675
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	23
P/E	-395.0
EPS	-1

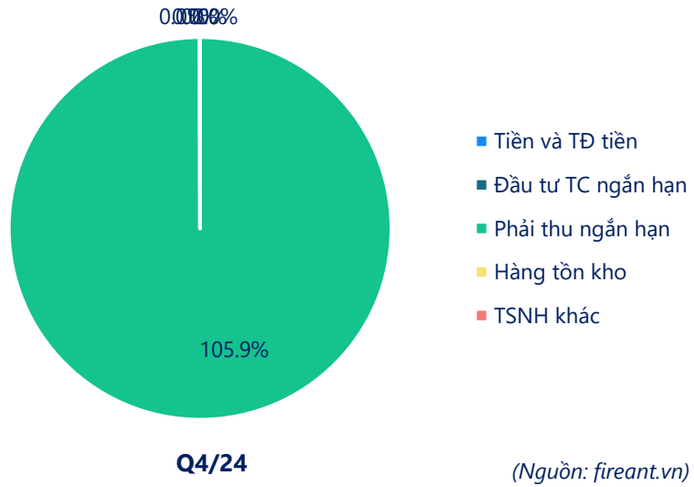
	YTD	1T	3T	6T
KSH	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%
VNINDEX	2.1%	-0.2%	-1.3%	

Cơ cấu Tổng tài sản



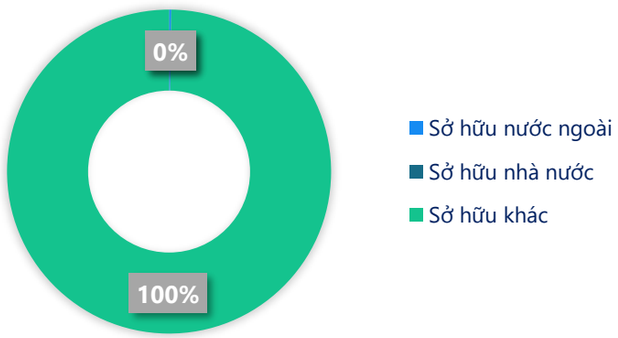
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



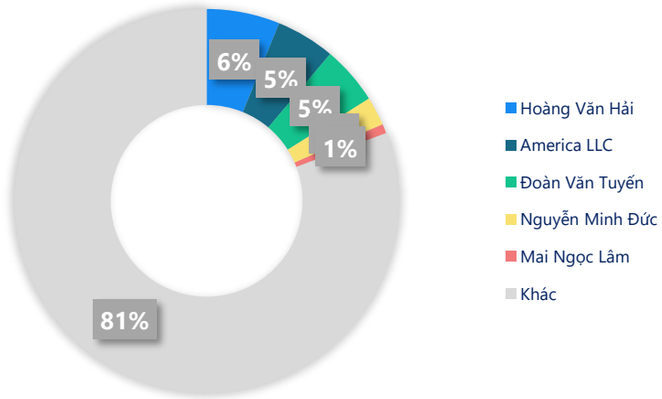
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



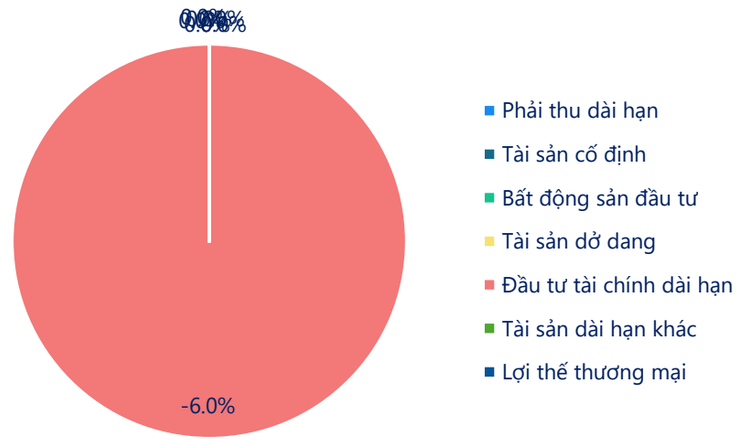
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

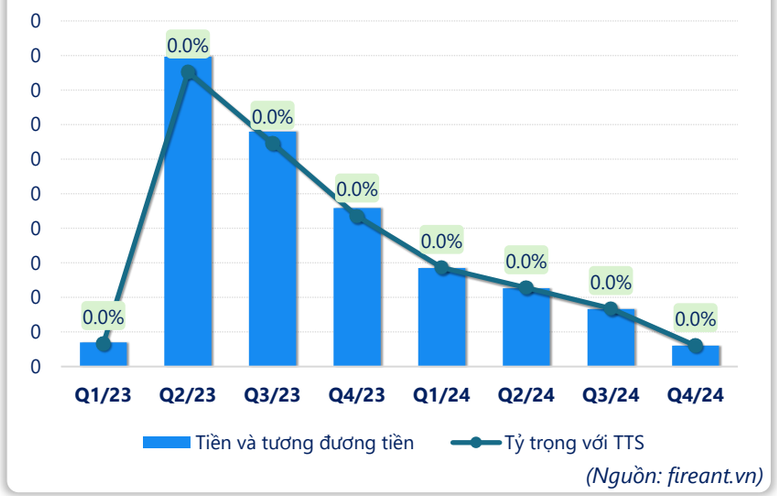


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

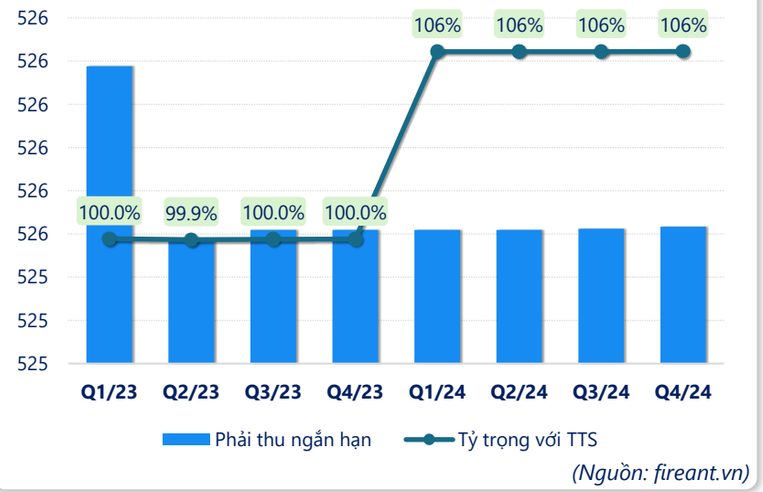
CTCP Damac GLS (UPCOM: KSH)

Tiền và tương đương tiền



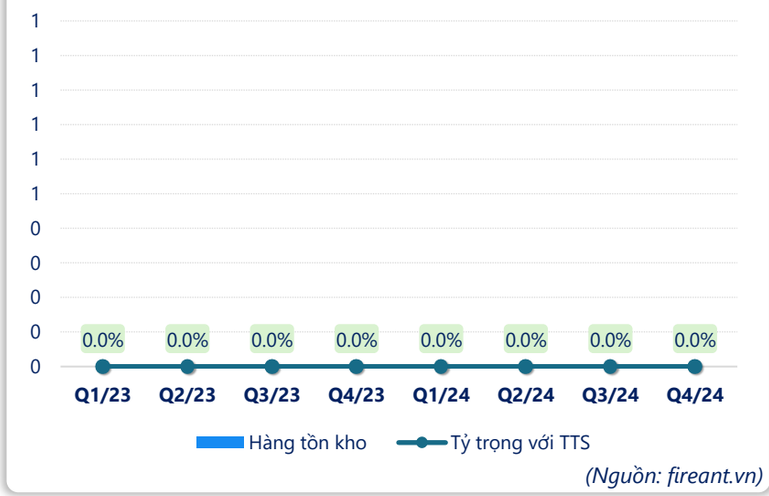
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



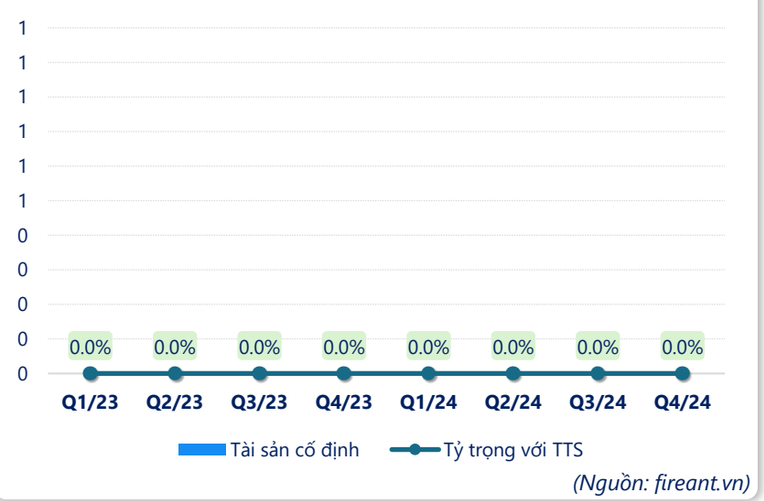
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



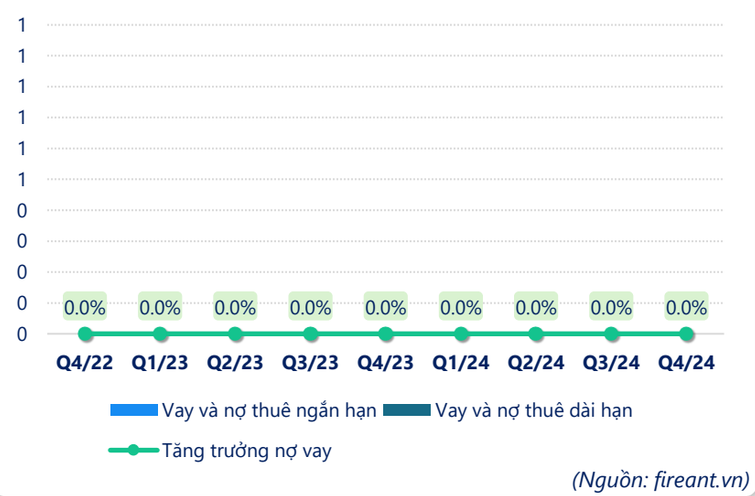
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



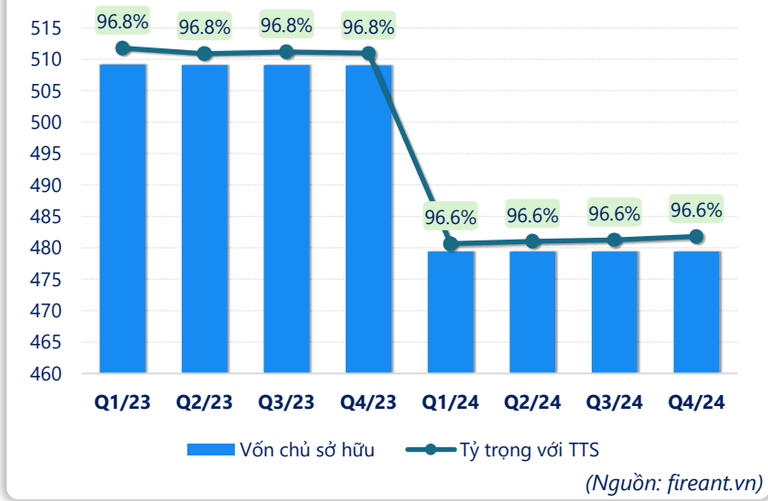
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

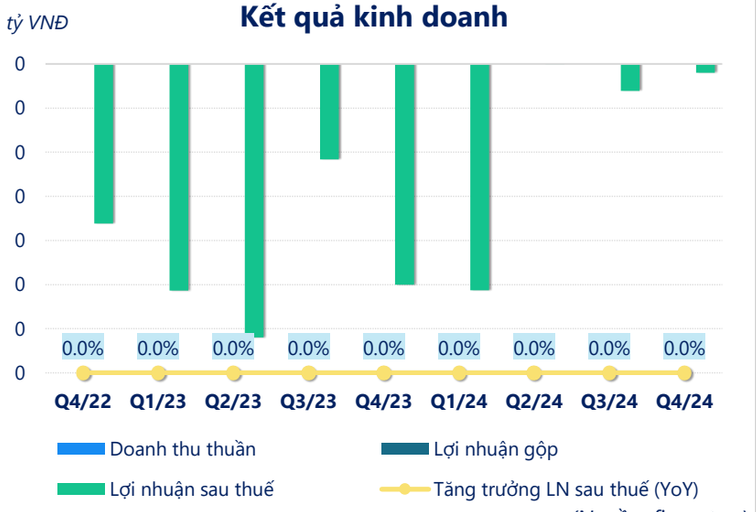
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

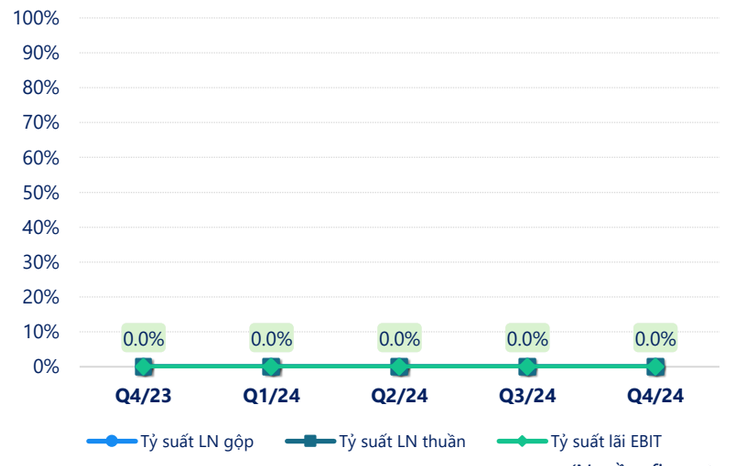
CTCP Damac GLS (UPCOM: KSH)

Kết quả kinh doanh



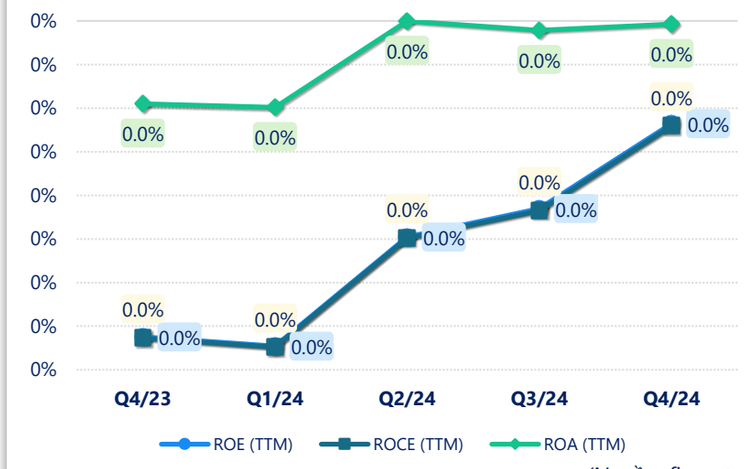
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



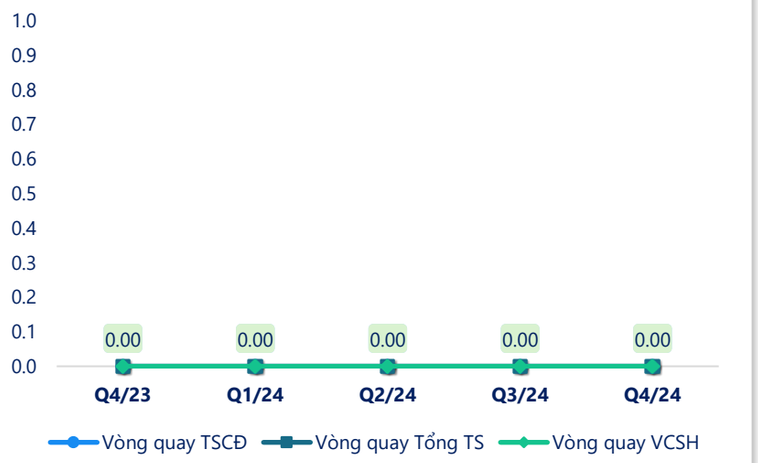
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



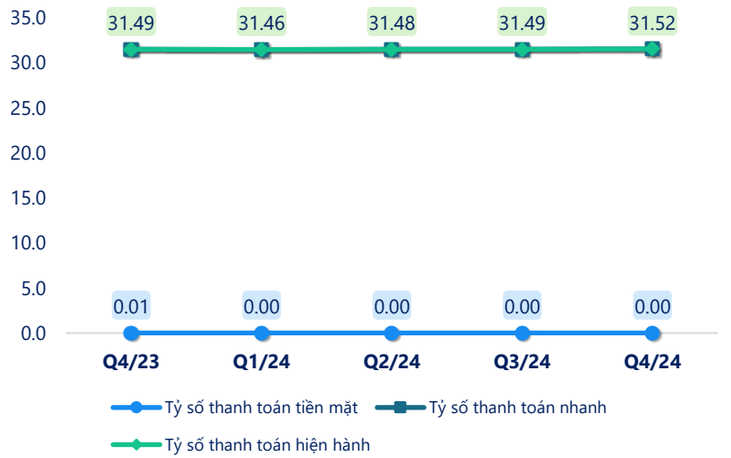
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



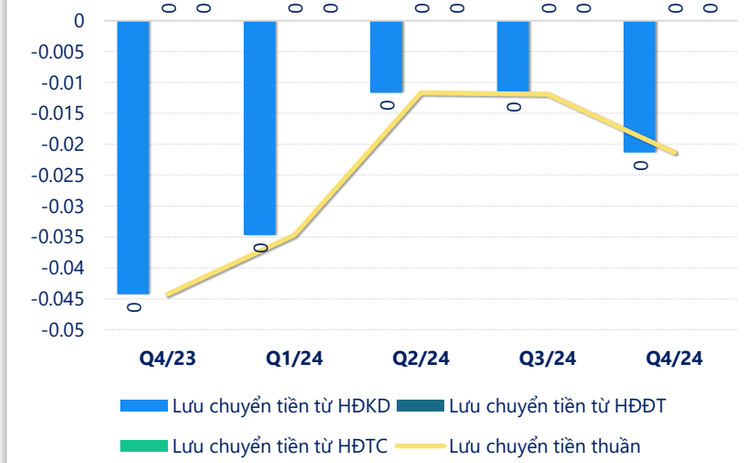
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Damac GLS (UPCOM: KSH)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**496**	**526**	**-5.6%**
Tài sản ngắn hạn	526	526	0.0%
Tiền và tương đương tiền	0.01	0.09	-86.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	526	526	0.0%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.12	0.12	0.0%
Tài sản dài hạn	**-29.6**	**0**	
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	-29.6	0	
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	16.7	16.7	-0.1%
Nợ ngắn hạn	**16.7**	**16.7**	**-0.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	15.3	15.3	0.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**479**	**509**	**-5.8%**
Vốn chủ sở hữu	**479**	**509**	**-5.8%**
Vốn điều lệ	575	575	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	0	0	0	0	0
Giá vốn hàng bán	0	0	0	0	0
Lợi nhuận gộp	0	0	0	0	0
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.05	0.05	0.00	0.00	0.00
LN thuần từ HĐKD	-0.05	-0.05	0.00	0.00	0.00
Lợi nhuận khác	0.00	0	0	0.00	0.00
LN trước thuế	-0.05	-0.05	0.00	-0.01	0.00
Lợi nhuận sau thuế	-0.05	-0.05	0.00	-0.01	0.00
LNST của CĐ cty mẹ	-0.05	-0.05	0.00	-0.01	0.00

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.04	-0.03	-0.01	-0.01	-0.02
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.13	0.09	0.05	0.05	0.03
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.04**	**-0.03**	**-0.01**	**-0.01**	**-0.02**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	0.09	0.05	0.05	0.03	0.01

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic